

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TÙNG DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TÙNG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400933935

**3. Ngày thành lập:** 02/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thuận Lý, Xã Tiên Dũng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0906999883

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                  | 4390     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                               | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                      | 4659     |
| 7.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                         | 4661     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                              | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                    | 4669     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. | 8299     |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                | 6810     |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                    | 6820     |
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                               | 7710     |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                    | 4690     |
| 15. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                      | 4921     |
| 16. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                             | 4922     |
| 17. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                            | 4929     |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                  | 4931     |

|     |                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                         | 4932        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                           | 4933        |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                              | 5210        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                 | 5221        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                | 5222        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                | 5223        |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                         | 5224        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                  | 5225        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay.  | 5229        |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển           | 7730        |
| 29. | Đại lý du lịch                                                                           | 7911        |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế | 7912        |
| 31. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                    | 8121        |
| 32. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                        | 8129        |
| 33. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                               | 3312        |
| 34. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                   | 3319        |
| 35. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                  | 3320        |
| 36. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                        | 3600        |
| 37. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                            | 3700        |
| 38. | Thu gom rác thải không độc hại                                                           | 3811        |
| 39. | Thu gom rác thải độc hại                                                                 | 3812        |
| 40. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                 | 3821        |
| 41. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                       | 3822        |
| 42. | Tái chế phế liệu                                                                         | 3830        |
| 43. | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101(Chính) |
| 44. | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102        |
| 45. | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211        |
| 46. | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212        |
| 47. | Xây dựng công trình điện                                                                 | 4221        |
| 48. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                      | 4222        |
| 49. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                       | 4223        |
| 50. | Xây dựng công trình công ích khác                                                        | 4229        |
| 51. | Xây dựng công trình thủy                                                                 | 4291        |
| 52. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                          | 4292        |
| 53. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                    | 4293        |
| 54. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                               | 4299        |

|     |                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 55. | Phá dỡ                                                                                  | 4311 |
| 56. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                       | 4312 |
| 57. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                   | 4321 |
| 58. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ TRỌNG BIÊN | Thuận Lý, Xã Tiên Dũng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 800.000    | 8.000.000.000         | 80,000    | 024083001379                                                                                |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Tổng số                   | 800.000    | 8.000.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                  |                           |         |               |        |           |  |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | PHAN VĂN PHƯƠNG   | Hạ Long, Xã Đồng Phúc, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 | 121933548 |  |
|   |                   |                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 |           |  |
|   |                   |                                                                  |                           |         |               |        |           |  |
| 3 | LƯƠNG THỊ LAN ANH | Cao Đồng, Xã Đồng Phúc, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 | 122044543 |  |
|   |                   |                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                  | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 |           |  |
|   |                   |                                                                  |                           |         |               |        |           |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ TRỌNG BIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024083001379

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thuận Lý, Xã Tiến Dũng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thuận Lý, Xã Tiến Dũng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang